

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **302/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 29/10/2018

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình
xin ly hôn, nuôi con chung sau ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tường

2. Ông Hà Hữu Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Khánh Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2018/HNGĐ-ST, ngày 06/8/2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/9/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐ-HPT ngày 22/10/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trịnh Thị Quỳnh G; sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số nhà 68, tổ 13 phường Nông Tiến, thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang;

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số nhà 68, tổ 13 phường Nông Tiến, thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang;

Chị Trịnh Thị Quỳnh G có mặt tại phiên tòa. Anh Nguyễn Văn T vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2003, tại UBND xã K huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ, chồng làm ăn sinh sống tại xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, đến năm 2009 anh chị chuyển về sinh sống tại số nhà 68, tổ 13 phường N, thành phố T. Quá trình chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 2 năm 2017. Từ tháng 3 năm 2017 đến nay cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chúng tôi.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T có 02 con chung là: Nguyễn Anh T, sinh ngày 11/2/2004 và Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 18/2/2010. Ly hôn vợ chồng tôi thỏa thuận tôi là người trực tiếp nuôi con, anh T cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Ngọc C đến năm 18 tuổi. Cụ thể mức cấp dưỡng 3 000 000 đồng/tháng. Hình thức cấp dưỡng một lần.

Về tài sản chung: Chị và anh T đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, hiện nay không còn tài sản chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị và anh T không vay ai hay cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi thông báo về việc vụ thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng (qua đường bưu điện) và đề nghị Tổ trưởng nhân dân tố tụng đặt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn T, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Do vậy Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị Trịnh Thị Quỳnh G cho rằng chị đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân thành phố T vào tháng 3/2018 nhưng sau đó chị đã rút lại đơn khởi kiện để vợ chồng cùng hàn gắn tình cảm tuy nhiên không thể cải thiện được tình cảm vợ chồng do vậy chị và anh T đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Tuyên Quang. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T và đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục 02 con chung, chị thay đổi yêu cầu không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nữa. Chị G xác định vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia tài

sản chung trong thời kỳ hôn nhân hiện không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Th□ ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử từ khi mở phiên tòa đến khi kết thúc đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định, bị đơn không chấp hành theo quy định, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đều vắng mặt không có lý do. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Quỳnh G, xử cho chị G được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Giao 02 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 11/2/2004 và Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 18/2/2010 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không yêu cầu. Anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và vay nợ chị G xác định vợ chồng không có, không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí, chị G phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trịnh Thị Quỳnh G yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn T và giải quyết việc nuôi con chung. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Ngày 06/8/2018, Tòa án thụ lý vụ án, sau đó đã gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Nguyễn Văn T nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Quỳnh G và anh Nguyễn Văn T tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 13/9/2003 tại UBND xã K, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, như vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã nhau, chị G xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và tiếp tục cùng chung sống với nhau được nữa nên

đã khởi kiện xin ly hôn anh T vào tháng 03/2018 sau đó chị đã có đơn xin rút đơn khởi kiện để cải thiện quan hệ vợ chồng tuy nhiên tình cảm vợ chồng không cải thiện được, vợ chồng vẫn chung sống cùng nhà nhưng đã ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Theo kết quả xác minh, tại địa phương cũng thể hiện chị G và anh T có mâu thuẫn tuy anh chị không báo cáo nhưng tổ có nắm được. Hơn nữa theo tài liệu chị G cung cấp thì sau khi chị G rút đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T tại Toà án vào tháng 4/2018 thì anh T và chị G đã tự thoả thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân vào ngày 25/7/2018, sau khi phân chia tài sản chung chị G lại tiếp tục nộp đơn xin ly hôn với anh T. Như vậy, xét quan hệ hôn nhân của chị G và anh T thấy rằng mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Xét tình trạng hôn nhân và yêu cầu xin ly hôn của chị G là có căn cứ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G xử cho chị Trịnh Thị Quỳnh G được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là phù hợp quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Theo chị G trình bày cũng như qua xác minh tại địa phương nơi chị G và anh T sinh sống thể hiện chị G và anh T có 02 con chung là Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 11/2/2004 và Nguyễn Ngọc Châu, sinh ngày 18/2/2010. Hiện nay các con chung đang ở với anh chị tại số nhà 68, tổ 13 phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. HĐXX xét thấy hiện nay căn nhà 02 tầng tại địa chỉ số nhà 68, tổ 13 phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang anh T và anh G đã tự thoả thuận phân chia cho chị G là người được quyền sử dụng. Hiện nay các cháu đang ở ổn định, hơn nữa cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ, chị G hiện đang là giáo viên trường tiểu học B có thu nhập ổn định, anh T là lao động tự do. Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và nguyện vọng về việc nuôi con của các đương sự HĐXX xét thấy cần giao các con chung là Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 11/2/2004 và Nguyễn Ngọc Châu, sinh ngày 18/2/2010 cho chị Trịnh Thị Quỳnh G trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục con chung, là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị G xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về vay nợ: Chị G xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo

Chị Trịnh Thị Quỳnh G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28; 147, khoản 2 Điều 227, 228; 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; 56; 58, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Quỳnh G về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị Quỳnh G được ly hôn với anh Nguyễn Văn T

2. Về con chung: Giao các con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 11/2/2004 và Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 18/2/2010 cho chị Trịnh Thị Quỳnh G trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Trịnh Thị Quỳnh G có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000020 ngày 06/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

Chị Trịnh Thị Quỳnh G có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang(02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Ngọc Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tường Hà Hữu Bình

Phạm Ngọc Hà

